

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 428/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 01-11-2021

V/v tranh chấp “Ly hôn và nuôi con”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Quyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Tạ Công Minh

Ông Nguyễn Bền

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Tấn Dũ- Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Trà My - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 98/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đặng Kim T, sinh năm 1981 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T 1, xã LĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Anh Lê Ngọc L, sinh năm 1979 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T 1, xã LĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn ly hôn và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Đặng Kim T trình bày:

Chị và anh Lê Ngọc L tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào năm 2004 tại Ủy ban nhân dân xã Long Định, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang,

giấy chứng nhận kết hôn số 154 quyển số 2/2004. Thời gian đầu sống hạnh phúc, đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, không thể hòa hợp. Nay yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Ngọc L.

- Về con chung: Giao con chung tên Lê Quốc K (sinh ngày 06/02/2004), cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị T không còn yêu cầu gì khác.

Bị đơn anh Lê Ngọc L: đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng anh L không đến Tòa án và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh L có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng các thủ tục tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn, bị đơn có đơn xin vắng mặt, đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án, đề nghị:

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đặng Kim T.

+ Về con chung: Giao con chung tên Lê Quốc K (sinh ngày 06/02/2004), cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng.

+ Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Đặng Kim T yêu cầu ly hôn với anh Lê Ngọc L nên đây là “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh L có nơi cư trú tại ấp T 1, xã LĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị T là nguyên đơn và bị đơn anh L vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt chị T, anh L.

[3] Về hôn nhân: Chị T và anh L chung sống trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã Long Định, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 154 quyển số 2/2004 ngày 29/7/2004 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Quá trình chung sống, giữa chị T và anh L xảy ra mâu thuẫn kéo dài không tự hàn gắn được. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập để tiến hành hòa giải nhằm hàn gắn tình cảm giữa hai bên nhưng anh L vẫn vắng mặt không lý do, điều đó chứng tỏ anh L không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, không còn quan tâm đến hôn nhân giữa anh với chị T. Ngày 28/10/2021, anh L có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng không thể hiện ý kiến gì.

Thấy rằng, giữa chị T và anh L không có sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, nên cần xác định tình trạng mâu thuẫn giữa chị T và anh L đã trầm trọng, hạnh phúc hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị T và anh L có 01 con chung là cháu Lê Quốc K, sinh ngày 06/02/2004. Hiện tại cháu K đang sống chung với anh L. Khi ly hôn, chị T yêu cầu anh L trực tiếp nuôi dưỡng cháu K, chị không cấp dưỡng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho anh L trong đó có nêu rõ yêu cầu về con chung của chị T, nhưng anh L không thể hiện ý kiến của mình đối với việc nuôi con chung.

Do anh L vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có sự thỏa thuận với chị T về việc nuôi con chung. Hội đồng xét xử thấy rằng, để tạo điều kiện thuận lợi, đảm bảo cho sự phát triển bình thường của cháu K, phù hợp với nguyện vọng của cháu K là mong muốn sống chung với cha nên cần

thiết giao cháu K cho anh L được trực tiếp nuôi dưỡng. Nếu sau này chị T và anh L có tranh chấp về việc nuôi dưỡng con chung sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Đặng Kim T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T trình bày anh chị không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Về ý kiến đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 57, 58, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 228 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đặng Kim T, cho chị Đặng Kim T được ly hôn với anh Lê Ngọc L.

2. Về con chung: Giao con chung tên Lê Quốc K (sinh ngày 06/02/2004), cho anh Lê Ngọc L trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị T chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003965 ngày 01/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, nên chị T đã nộp xong án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, chị T, anh L được quyền kháng cáo bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã Long Định;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**ĐÃ KÝ
Đỗ Thị Hồng Quyên**